

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TCN24B
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Dinh dưỡng và thức ăn(3)	Chẩn đoán và bệnh nội khoa(3)	Pháp luật chuyên ngành CNTT(2)	Chăn nuôi heo(2)	Bệnh chó mèo(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2456201200311	Dương Khánh	Bằng	10/11/2009	7.0	8.2	7.1	9.1	7.4	7.2	9.0	7.6	7.9	Khá
02	2456201200312	Nguyễn Hữu	Cường	20/02/2009	3.3	3.1	3.2	3.4	2.6	2.6	3.2	2.4	3.0	Yếu
03	2456201200313	Lương Thị Thúy	Diễm	13/09/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
04	2456201200314	Lương Phước	Duy	05/01/2009	6.3	7.8	7.8	6.7	7.5	6.9	7.2	7.5	7.2	Khá
05	2456201200315	Võ Thị Thùy	Dương	29/04/2009	0.8	0.0	3.2	2.1	2.2	3.0	2.9	0.0	1.7	Yếu
06	2456201200316	Hồ Cẩm	Đào	09/08/2009	7.2	8.5	7.8	6.6	7.7	6.3	9.5	8.5	7.7	Khá
07	2456201200317	La Thanh	Hải	28/09/2009	1.3	0.0	3.5	2.4	2.3	2.6	3.0	0.0	1.8	Yếu
08	2456201200318	La Thị	Hạn	01/10/2006	6.4	8.4	8.5	8.0	7.4	7.2	8.5	8.1	7.8	Khá
09	2456201200320	Trần Lê	Hậu	19/12/2009	9.0	9.5	9.0	7.3	5.5	6.0	7.9	7.1	7.4	Khá
10	2456201200321	Lê Quốc	Huân	30/10/2008	9.1	8.2	8.5	6.5	8.5	7.0	9.3	7.1	7.9	Khá
11	2456201200322	Hoa Ngọc Kim	Khánh	02/09/2009	6.1	7.7	8.5	8.1	8.9	6.6	6.3	6.4	7.4	Khá
12	2456201200323	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	03/09/2009	6.6	7.1	7.9	6.6	7.4	6.8	8.7	5.7	7.0	Khá
13	2456201200324	Trần Quốc	Kỳ	13/01/2006	6.0	8.2	7.7	6.7	8.8	5.8	8.7	6.6	7.3	Khá
14	2456201200325	Nguyễn Hữu	Lợi	25/08/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
15	2456201200326	La Bảo	Nam	16/09/2009	7.7	7.1	6.7	7.3	5.6	6.3	6.0	6.4	6.6	Trung bình
16	2456201200327	Lê Quốc	Nam	03/11/2009	7.3	6.9	8.2	7.3	5.8	6.2	7.4	6.9	6.9	Trung bình
17	2456201200328	Lê Tấn	Nhàn	25/08/2007	7.8	9.2	9.0	6.4	7.3	6.9	6.9	8.3	7.5	Khá
18	2456201200329	Phan Phạm Hào	Phóng	12/12/2009	7.0	9.7	9.0	9.0	6.8	7.7	8.8	6.9	8.0	Giỏi
19	2456201200331	Dương Hoàn	Quân	03/09/2009	6.0	8.9	7.9	7.4	5.3	6.4	7.4	5.6	6.7	Trung bình
20	2456201200332	Nguyễn Nhứt	Sang	21/11/2008	6.7	6.9	9.0	5.7	4.7	7.0	6.0	7.7	6.4	Trung bình
21	2456201200333	Trần Thị Phi	Sứ	13/04/2008	1.1	1.0	3.8	2.5	2.8	3.0	3.4	0.0	2.2	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Dinh dưỡng và thức ăn(3)	Chẩn đoán và bệnh nội khoa(3)	Pháp luật chuyên ngành CNTT(2)	Chăn nuôi heo(2)	Bệnh chó mèo(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2456201200334	Nguyễn Nhật	Tân	13/07/2009	5.5	7.6	8.3	7.5	5.9	5.6	6.3	5.9	6.5	Trung bình
23	2456201200335	Phạm Đức	Thành	10/11/2003	7.8	9.2	9.5	9.7	9.3	8.6	9.8	9.2	9.2	Xuất sắc
24	2456201200336	Lương Hữu	Thọ	11/12/2009	7.8	8.4	8.8	8.3	8.5	7.4	8.1	7.2	8.1	Giỏi
25	2456201200337	Võ Hứa Ti	Ti	07/12/2009	8.3	8.2	8.6	6.4	7.7	8.3	7.0	6.2	7.5	Khá
26	2456201200338	Lê Ngọc Bảo	Trân	09/09/2009	7.9	8.0	8.6	7.3	7.2	6.8	6.7	6.4	7.3	Khá
27	2456201200339	Nguyễn Trang Thanh	Tuyền	06/03/2006	8.3	9.4	9.9	9.4	9.0	8.6	9.6	9.3	9.1	Xuất sắc
28	2456201200340	Bùi Văn	Vô	14/08/2009	7.6	8.7	8.5	8.7	8.7	7.3	9.2	8.1	8.4	Giỏi
29	2456201200897	Lý Ngọc	Huy	08/11/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8	0.0	0.0	0.1	Yếu
30	2456201200898	Phan Hoàng	Huy	08/11/2009	8.3	9.0	9.5	9.7	9.2	7.6	8.8	8.5	8.9	Giỏi

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 28 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái